

Aling, 12/10/2018 AN

PTDN

**TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2588/VNPT-KTTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2018

V/v Công khai thông tin tài chính
năm 2017 của VNPT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
SỐ:	21738
NGÀY:	30/5/2018
CHUYỂN:	

Kính gửi:

- Bộ Thông tin và Truyền thông
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam kính gửi các Quý Bộ một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 để thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định (*Bảng số liệu báo cáo kèm theo*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

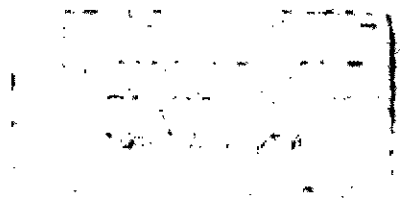
- Như trên;
- Hội đồng thành viên (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- KSV Tài chính VNPT;
- Ban KSNB, KTTC, VP;
- Lưu VT, KTTC, VHC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Tô Mạnh Cường

Số iOffice: 259295 - VBG



000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	51.570.452	47.686.378
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.853.171	8.387.972
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.044.063	29.087.261
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7.608.636	6.452.409
140	IV. Hàng tồn kho	2.960.352	2.735.671
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	1.104.230	1.023.065
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	44.062.575	41.622.238
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	51.808	12.121
220	II. Tài sản cố định	37.761.416	37.258.137
230	III. Bất động sản đầu tư	17.302	17.347
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	3.826.547	1.859.828
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.650.019	1.700.783
260	VI. Tài sản dài hạn khác	755.483	774.022
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	95.633.027	89.308.616

Mã số	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	30.932.489	25.892.950
310	I. Nợ ngắn hạn	29.537.855	23.929.931
330	II. Nợ dài hạn	1.394.634	1.963.019
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	64.700.538	63.415.666
410	I. Vốn chủ sở hữu	64.694.937	63.409.407
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	5.601	6.259
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	95.633.027	89.308.616



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.861.168 ✓	50.601.850 ✓
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	-40.491.724	-40.032.987
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.369.444 ✓	10.568.863 ✓
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.548.940	2.267.735
22	7. Chi phí tài chính	-231.976	-362.209
24	8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	153.157	57.094
25	9. Chi phí bán hàng	-4.339.675	-3.659.709
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-5.626.042	-4.788.472
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.873.848 ✓	4.083.302 ✓
40	14. Lợi nhuận khác	282.294	92.694
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.156.142 ✓	4.175.996 ✓
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-862.908	-929.975
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.707	-2.499
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.296.941	3.243.522 ✓

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	8.884.855	9.672.684
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	-11.905.266	-6.939.021
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	-514.784	-1.066.723
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	-3.535.195	1.666.940
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	8.387.972	6.720.252
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	394	780
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.853.171	8.387.972

je

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	37.952.047	36.577.840
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	949.242	4.464.810
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.458.000	27.861.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.657.997	2.440.456
140	IV. Hàng tồn kho	1.063.230	1.145.011
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	823.578	666.563
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	45.891.900	43.393.959
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	3.750	3.795
220	II. Tài sản cố định	36.266.896	35.494.667
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	3.524.257	1.623.929
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5.461.142	5.636.508
260	V. Tài sản dài hạn khác	635.855	635.060
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	83.843.947	79.971.799

Mã số	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	22.162.397	19.147.289
310	I. Nợ ngắn hạn	21.056.388	17.478.463
330	II. Nợ dài hạn	1.106.009	1.668.826
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	61.681.550	60.824.510
410	I. Vốn chủ sở hữu	61.681.211	60.824.171
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	339	339
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	83.843.947	79.971.799

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.760.522	43.000.780
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	- 40.778.678	-39.857.743
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.981.844	3.143.037
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.422.907	2.384.630
22	7. Chi phí tài chính	-12.035	-104.950
25	8. Chi phí bán hàng	-42.839	-62.822
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	- 3.271.929	-2.749.987
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.077.948	2.609.908
40	13. Lợi nhuận khác	250.711	56.841
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế	3.328.659	2.666.749
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-466.633	-591.886
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.862.026	2.074.863

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	8.039.364	6.896.860
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	-9.947.281	-5.831.557
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	-1.607.998	-1.815.148
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-3.515.915	-749.845
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4.464.810	5.213.458
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	347	1.197
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	949.242	4.464.810

je

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ("Tập đoàn") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo Quyết định số 06/2006/QĐ - TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 9 tháng 1 năm 2006. Tập đoàn được tổ chức và hoạt động theo điều lệ được Chính phủ phê duyệt tại Nghị định số 25/2016/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2016 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106000689 ngày 21 tháng 4 năm 2006, sau đó là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước thay đổi lần 2 số 0106000689 ngày 29 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 955/QĐ – TTg ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 8 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 4 cấp ngày 20 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam bao gồm:

- ▶ Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm truyền thông;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông; và
- ▶ Khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là 12 tháng.

Tập đoàn có trụ sở chính tại số 57 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Trong năm 2017, Tập đoàn có các đơn vị trực thuộc và các công ty con như sau:

Các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị sự nghiệp.

Tập đoàn có các đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm:

- ▶ 63 đơn vị viễn thông tỉnh, thành phố;
- ▶ Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT- NET);
- ▶ Công ty Viễn thông Quốc tế (VNPT-I) (*);
- ▶ Ban Quản lý Dự án Cấp quang biển;
- ▶ Trung tâm Nghiên cứu và phát triển;
- ▶ Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ III; và
- ▶ Văn phòng Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn (tiếp theo)

Tập đoàn có các đơn vị sự nghiệp gồm:

- ▶ Trường Trung học Bưu chính Viễn thông và Công nghệ Thông tin III (**);
- ▶ Bệnh viện Bưu điện (*);
- ▶ Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi Chức năng Bưu điện I (*); và
- ▶ Bệnh viện Đa khoa Bưu điện.

(*) Theo Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018 – 2020 ("Quyết định số 2129"), Tập đoàn sẽ thực hiện:

- ▶ Bàn giao nhiệm vụ và nguồn lực của Công ty Viễn thông Quốc tế (VNPT – I) trong tổ chức, vận hành, khai thác hệ thống vệ tinh Vinasat 1, Vinasat 2 về VNPT – NET để khai thác và quản lý; và bàn giao các nhiệm vụ, nguồn lực còn lại của VNPT – I cho Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT – Vinaphone).
- ▶ Thành lập Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT - IT) là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ trên cơ sở sắp xếp lại các bộ phận, đơn vị quản lý, sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của VNPT và Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone).
- ▶ Sáp nhập Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi Chức năng Bưu điện I vào Bệnh viện Bưu điện.

(**) Theo Quyết định số 189/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn, Tập đoàn đã thực hiện sáp nhập Trường Trung học Bưu chính Viễn thông và Công nghệ Thông tin III vào Viễn thông Tiền Giang. Theo đó, Trường Trung học Bưu chính Viễn thông và Công nghệ Thông tin III không còn là đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2017, ngày sáp nhập.

Các công ty con là các công ty TNHH một thành viên mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn

Tập đoàn có các công ty con là các công ty TNHH một thành viên mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn bao gồm:

- ▶ Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT – Vinaphone);
- ▶ Tổng Công ty Truyền thông (VNPT – Media);
- ▶ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện; và
- ▶ Công ty TNHH Một thành viên Cáp quang.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn (tiếp theo)

Các công ty con là các công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các công ty con do Tập đoàn nắm giữ vốn trực tiếp là công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên như sau:

STT Tên công ty con

- 1 Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông
- 2 Công ty Cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn cầu
- 3 Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông (i)
- 4 Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và in Bưu điện
- 5 Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện CT-IN
- 6 Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA – OFC (i) (ii)
- 7 Công ty Cổ phần Các hệ thống viễn thông VINECO (i)
- 8 Công ty Cổ phần Viễn thông TELVINA Việt Nam (i)
- 9 Công ty Cổ phần COKYVINA
- 10 Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Học tập và Giải trí trực tuyến (ii) (iii)
- 11 Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (i)
- 12 Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện (i)
- 13 Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (i) (ii)
- 14 Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV (i) (ii)
- 15 Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn thông (i) (ii)
- 16 Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (i)
- 17 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn thông Vũng Tàu (i)
- 18 Công ty Cổ phần Những Trang vàng Việt Nam
- 19 Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Huế (i)
- 20 Công ty Cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung (i)
- 21 Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội (i)
- 22 Công ty Cổ phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng (i)
- 23 Công ty Cổ phần KASATI (i)
- 24 Công ty Cổ phần VNPT Global – Hong Kong

- (i) Theo Quyết định số 2129, Tập đoàn sẽ thực hiện thoái vốn đầu tư nắm giữ tại các đơn vị này trong giai đoạn 2018 – 2020.
- (ii) Tập đoàn nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con của Tập đoàn là Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện.
- (iii) Từ năm 2016, do sự thay đổi về số lượng thành viên đại diện vốn trong Hội đồng Quản trị của đơn vị này nên Tập đoàn không còn nắm đa số quyền biểu quyết trong Hội đồng Quản trị của đơn vị này. Tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá sự thay đổi này là tạm thời và Tập đoàn vẫn tiếp tục nắm quyền kiểm soát tại đơn vị, và theo đó, Tập đoàn tiếp tục ghi nhận công ty này là công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Số lượng nhân viên của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 23.114 (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 23.523).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam*

Theo Nghị định số 25/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 4 năm 2016 về phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (viết tắt là "VNPT"), VNPT là công ty mẹ trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có các đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc. Các báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty mẹ và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả các báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ,...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện v.v.. giữa Công ty mẹ với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được cân trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng.

2.2 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được lập cho mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ cho mục đích quản trị nội bộ của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất này cũng đã được hoàn thành vào ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán được áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, cũng như hướng dẫn nội bộ về công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán do Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam ban hành và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và của các đơn vị trực thuộc là hình thức Chứng từ ghi sổ.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và của các đơn vị trực thuộc áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ("Tập đoàn") là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo Quyết định số 06/2006/QĐ - TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 9 tháng 1 năm 2006. Tập đoàn được tổ chức và hoạt động theo điều lệ được Chính phủ phê duyệt tại Nghị định số 25/2016/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2016 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106000689 ngày 21 tháng 4 năm 2006, sau đó là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước thay đổi lần 2 số 0106000689 ngày 29 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 955/QĐ – TTg ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 8 năm 2010, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 4 cấp ngày 20 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn bao gồm:

- ▶ Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ và sản phẩm truyền thông;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông; và
- ▶ Khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tập đoàn có trụ sở chính tại số 57, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn (tiếp theo)

Trong năm 2017, Tập đoàn có các đơn vị trực thuộc và các công ty con như sau:

Các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc của Tập đoàn bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị sự nghiệp.

Tập đoàn có các đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm:

- ▶ 63 đơn vị viễn thông tỉnh, thành phố;
- ▶ Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT - NET);
- ▶ Công ty Viễn thông Quốc tế (VNPT - I) (*);
- ▶ Ban Quản lý Dự án Cấp quang biển;
- ▶ Trung tâm Nghiên cứu và phát triển;
- ▶ Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ III và
- ▶ Văn phòng Tập đoàn.

Tập đoàn có các đơn vị sự nghiệp gồm:

- ▶ Trường Trung học Bưu chính Viễn thông và Công nghệ Thông tin III (**);
- ▶ Bệnh viện Bưu điện (*);
- ▶ Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi Chức năng Bưu điện I (*); và
- ▶ Bệnh viện Đa khoa Bưu điện.

(*) Theo Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Phương án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018 – 2020 ("Quyết định số 2129"), Tập đoàn sẽ thực hiện:

- ▶ Bàn giao nhiệm vụ và nguồn lực của Công ty Viễn thông Quốc tế (VNPT - I) trong tổ chức, vận hành, khai thác hệ thống vệ tinh Vinasat 1, Vinasat 2 về VNPT - NET để khai thác và quản lý và bàn giao các nhiệm vụ, nguồn lực còn lại của VNPT - I cho Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT - Vinaphone);
- ▶ Thành lập Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT - IT) là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ trên cơ sở sắp xếp lại các bộ phận, đơn vị quản lý, sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của VNPT và Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone); và
- ▶ Sáp nhập Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi Chức năng Bưu điện I vào Bệnh viện Bưu điện.

(**) Theo Quyết định số 189/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn, Tập đoàn đã thực hiện sáp nhập Trường Trung học Bưu chính Viễn thông và Công nghệ Thông tin III với Viễn thông Tiền Giang. Theo đó, Trường Trung học Bưu chính Viễn thông và Công nghệ Thông tin III không còn là đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2017, ngày sáp nhập.



Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn (tiếp theo)

Các công ty con là công ty TNHH Một thành viên mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn

Tập đoàn có các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên mà Tập đoàn sở hữu 100% vốn bao gồm:

- ▶ Tổng Công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT – Vinaphone);
- ▶ Tổng Công ty Truyền thông (VNPT – Media);
- ▶ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện; và
- ▶ Công ty TNHH Một thành viên Cấp quang.

Các công ty con là công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các công ty con là công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty con</i>
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông
2.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn cầu (ii)
3.	Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông (i)
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và in Bưu điện
5.	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện CT-IN
6.	Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam VINA – OFC (i) (ii)
7.	Công ty Cổ phần Các hệ thống viễn thông VINECO (i)
8.	Công ty Cổ phần Viễn thông TELVINA Việt Nam (i)
9.	Công ty Cổ phần COKYVINA
10.	Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Học tập và Giải trí trực tuyến (ii) (iii)
11.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (i)
12.	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bưu điện (i)
13.	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông (i) (ii)
14.	Công ty TNHH Thiết bị Viễn thông ANSV (i) (ii)
15.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn thông (i) (ii)
16.	Công ty Cổ phần Vật tư Bưu điện (i)
17.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn thông Vũng Tàu (i)
18.	Công ty Cổ phần Nhung Trang vàng Việt Nam
19.	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Huế (i)
20.	Công ty Cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung (i)
21.	Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội (i)
22.	Công ty Cổ phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng (i)
23.	Công ty Cổ phần KASATI (i)
24.	Công ty Cổ phần VNPT Global – Hong Kong
25.	Công ty TNHH Cung cấp Giải pháp Dịch vụ Giá trị gia tăng (ii)
26.	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây lắp thông tin (ii)
27.	Công ty TNHH Một thành viên Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện (ii)
28.	Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam (ii)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn (tiếp theo)

Các công ty con là công ty cổ phần và công ty TNHH hai thành viên trở lên (tiếp theo)

- (i) Theo Quyết định số 2129, Tập đoàn sẽ thực hiện thoái vốn đầu tư nắm giữ tại các đơn vị này trong giai đoạn 2018 – 2020.
- (ii) Tập đoàn nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con của Tập đoàn là Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Bưu điện, Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện CT-IN.
- (iii) Từ năm 2016, do sự thay đổi về số lượng thành viên đại diện vốn trong Hội đồng Quản trị của đơn vị này nên Tập đoàn không còn nắm đa số quyền biểu quyết trong Hội đồng Quản trị của đơn vị này. Tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá sự thay đổi này là tạm thời và Tập đoàn vẫn tiếp tục nắm quyền kiểm soát tại đơn vị, và theo đó, Tập đoàn tiếp tục ghi nhận công ty này là công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 38.225 (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 38.479).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán được áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc, các công ty con là công ty TNHH một thành viên do Tập đoàn sở hữu 100% vốn và các công ty con khác là các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua/ngày thành lập, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tập đoàn, các đơn vị thành viên và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị và các công ty con của Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

